

Số: 07/2019/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, quản lý sử dụng phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 579/TTr-STNMT ngày 29 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết như sau:

a) Trường hợp thẩm định lần đầu:

Nội dung	Mức thu
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo

Nội dung	Mức thu
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng:	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật:	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	17 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 5: Dự án giao thông:	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 6: Dự án công nghiệp:	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	20 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1 đến nhóm 6):	
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
> 200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo

b) Trường hợp thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng.

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung như sau:

Nội dung	Mức thu
Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 phương án
> 50 và ≤ 100 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 phương án

> 100 và ≤ 200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 phương án
> 200 tỷ đồng	20 triệu đồng/1 phương án

Điều 2. Đối tượng chịu phí

Tổ chức, cá nhân là chủ các dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung phải nộp phí.

Điều 3. Cơ quan thu phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ tổ chức thu phí.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 80% mức phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên tổng số phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 120/2016/NĐ-CP)

b) Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại (20%) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Đối với phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung:

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 90% mức phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên tổng số phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

b) Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại (10%) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, cơ quan thu phí phải lập dự toán và quyết toán thu, chi tiền thu phí theo quy định gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.



Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lg*

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6;
- CVP, PVP: Long, Nhung, CVK;
- Báo Tây Ninh;
- Đài PT-TH tỉnh
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu VT.

V SUA DOI QĐ 59

gđ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng